

## PHẦN 2. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

### Chương V. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

*“Điều khoản tham chiếu” bao gồm những nội dung chủ yếu sau:*

#### **I. Giới thiệu:**

##### **1. Giới thiệu chung về dự toán mua sắm, gói thầu:**

- Tên gói thầu: Gói thầu số 4: Tư vấn giám sát công tác triển khai thuê dịch vụ công nghệ thông tin triển khai hệ thống vé điện tử liên thông cho giao thông công cộng trên địa bàn thành phố Hà Nội
- Dự toán: Triển khai hệ thống vé điện tử liên thông cho giao thông công cộng trên địa bàn thành phố Hà Nội.
- Chủ đầu tư: Trung tâm Quản lý và Điều hành giao thông thành phố Hà Nội Số 1 Kim Mã, Phường Giảng Võ, Thành phố Hà Nội
- Nguồn vốn: Chi sự nghiệp – Ngân sách Thành phố.
- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi
- Phương thức lựa chọn nhà thầu: Một giai đoạn, hai túi hồ sơ
- Loại hợp đồng: Trọn gói
- Địa điểm thực hiện gói thầu: Thành phố Hà Nội
- Thời gian thực hiện gói thầu: 67 tháng.

+ Thời gian chuẩn bị cung cấp dịch vụ CNTT (Thời gian nhà cung cấp dịch vụ xây dựng, phát triển hình thành dịch vụ CNTT; thời gian thực hiện kiểm thử; đào tạo, tập huấn hướng dẫn sử dụng dịch vụ.): 6 tháng, kể từ ngày ký hợp đồng;

+ Thời gian cung cấp dịch vụ cho thuê: 60 tháng (5 năm), kể từ thời điểm nghiệm thu, bàn giao dịch vụ để đưa vào sử dụng đến khi kết thúc thời gian thuê dịch vụ;

+ Thời gian chuyển giao, bàn giao (Thời gian chuyển giao, bàn giao thông tin, dữ liệu hình thành trong quá trình cung cấp dịch vụ và thời gian nhà cung cấp hoàn thành các nghĩa vụ, trách nhiệm khác theo thỏa thuận trong hợp đồng thuê dịch vụ CNTT): 1 tháng, kể từ ngày có yêu cầu của bên thuê dịch vụ;

##### **2. Mục tiêu thuê dịch vụ:**

- Hình thành và vận hành hệ thống thẻ vé điện tử liên thông cho mạng lưới vận tải hành khách giao thông công cộng bằng xe buýt và đường sắt đô thị trên thành phố Hà Nội.

- Hình thành cơ sở dữ liệu, số hóa nguồn thông tin về nhu cầu sử dụng phương tiện giao thông công cộng để đi lại của người dân nhằm phục vụ công tác quản lý điều hành hoạt động vận tải hành khách công cộng của cơ quan quản lý nhà nước.

- Hệ thống đảm bảo khả năng tương thích và tích hợp mở rộng thanh toán liên thông với các loại hình giao thông công cộng khác nhau trong giai đoạn trước mắt và trong tương lai; Góp phần giảm dần kinh phí trợ giá thông qua việc tiết kiệm chi phí nhân viên phụ xe trên xe.

### **3. Phạm vi thuê dịch vụ:**

Kế hoạch thuê dịch vụ CNTT triển khai hệ thống vé điện tử liên thông giai đoạn 2025-2030 chỉ áp dụng cho loại hình vận tải hành khách công cộng có trợ giá (xe buýt và đường sắt đô thị), sau đó sẽ nghiên cứu mở rộng đối với các hình thức vận tải hành khách công cộng khác (xe đạp công cộng, xe taxi...) trên địa bàn thành phố Hà Nội.

### **4. Các hạng mục chính cần thuê dịch vụ:**

#### **4.1. Thuê dịch vụ trọn gói, bao gồm các hạng mục chính sau:**

##### **4.1.1. Thuê dịch vụ theo yêu cầu riêng trong 60 tháng:**

- Thuê phần mềm hệ thống vé điện tử liên thông;
- Thuê hệ thống trên xe kiểm soát hai đầu (lên và xuống) xe buýt;
- Thuê Hệ thống kiểm soát vé tuyến BRT;
- Thuê Tủ bán vé tự động;
- Thuê trang thiết bị phục vụ giám sát và điều hành hệ thống vé điện tử liên thông
- Thuê trang thiết bị phục vụ phát hành vé điện tử liên thông.

##### **4.1.2. Thuê dịch vụ có sẵn trong 60 tháng:**

- Thuê thuê dịch vụ hạ tầng máy chủ;
- Thuê dịch vụ hạ tầng viễn thông.

##### **4.1.3. Thuê quản trị, vận hành hệ thống trong 60 tháng**

##### **4.1.4. Thuê bảo trì hệ thống thông tin, phần cứng, phần mềm, CSDL**

##### **4.1.5. Các dịch vụ khác liên quan**

- Đào tạo, hướng dẫn sử dụng;
- Chi phí vật tư phát hành thẻ;

- Chi phí xuất hóa đơn điện tử.

#### **4.2. Thuê dịch vụ thanh toán theo khối lượng nghiệm thu thực tế , bao gồm các hạng mục chính sau:**

- Thuê dịch vụ liên thông 02 tuyến Metro;
- Thuê dịch vụ thanh toán điện tử;
- Chuẩn bị sẵn sàng thuê hệ thống bán và kiểm soát vé hai đầu (lên và xuống) xe buýt cho 30 tuyến mở mới;
- Thuê dịch vụ chuyển đổi thiết bị sang phương tiện mới

#### **5. Quy mô thuê dịch vụ**

Thuê dịch vụ CNTT Triển khai hệ thống vé điện tử liên thông cho hệ thống giao thông công cộng có trợ giá trên địa bàn thành phố Hà Nội (bao gồm cả hạ tầng phần cứng và phần mềm) trong 05 năm (60 tháng) áp dụng cho mạng lưới xe buýt, đường sắt đô thị trên địa bàn thành phố Hà Nội bao gồm:

- **126** tuyến xe buýt có trợ giá (bao gồm tuyến buýt nhanh BRT) đang khai thác vận hành trên địa bàn thành phố hiện nay và dự phòng 30 tuyến mở mới với tổng số xe buýt kế hoạch là **1.856 (trong đó có 1.821 xe buýt thường, 35 xe buýt nhanh BRT) và 23** nhà chờ tuyến buýt nhanh BRT và dự kiến **350** xe cho 30 tuyến xe buýt mở mới.

- **02** tuyến đường sắt đô thị (tuyến số 2A đoạn Cát Linh – Hà Đông và tuyến số 3.1 Nhổn – Ga Hà Nội) với tổng số nhà ga là **20** nhà ga đã hoạt động và chuẩn bị sẵn sàng cho 04 nhà ga sắp đưa vào hoạt động;

- Dịch vụ lắp đặt, hướng dẫn, đào tạo, quản trị, vận hành hệ thống, bảo trì hệ thống thông tin, phần cứng, phần mềm, CSDL, thiết lập các kết nối với các cơ sở dữ liệu theo phạm vi nhu cầu và các dịch vụ khác liên quan.

#### **6. Địa điểm, cơ quan và đơn vị sử dụng dịch vụ**

**Cơ quan chủ trì thuê:** Trung tâm Quản lý và Điều hành giao thông thành phố Hà Nội.

**Địa điểm:** Số 1 Kim Mã, phường Kim Mã, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

#### **Đơn vị sử dụng dịch vụ:**

- Triển khai tại các đơn vị:

STT	Đơn vị sử dụng dịch vụ
1	Tổng công vận tải Hà Nội (bao gồm tuyến buýt nhanh BRT)

STT	Đơn vị sử dụng dịch vụ
1.1	Xí nghiệp xe buýt Hà Nội
1.2	Trung tâm Tân Đạt
1.3	Xí nghiệp xe buýt Cầu Bươu
1.4	Xí nghiệp xe khách Nam Hà Nội
1.5	Xí nghiệp xe buýt 10 - 10
1.6	Xí nghiệp xe buýt Yên Viên
1.7	Xí nghiệp xe buýt nhanh BRT Hà Nội
2	Công ty Cổ phần vận tải và dịch vụ Liên Ninh
3	Công ty Cổ phần xe điện Hà Nội
4	Công ty Cổ phần vận tải Newway
5	Công ty Cổ phần xe khách Hà Nội
6	Công ty TNHH Du lịch dịch vụ xây dựng Bảo Yến
7	Công ty Liên doanh vận chuyển quốc tế Hải Vân
8	Công ty Cổ phần vận tải Thương mại và Du lịch Đông Anh
9	Công ty Cổ phần ô tô vận tải Hà Tây
10	Công ty cổ phần ô tô khách Hà Tây
11	Công ty TNHH dịch vụ vận tải sinh thái Vinbus

## II. Phạm vi công việc:

### 1. Phạm vi công việc:

Thực hiện tư vấn giám sát công tác triển khai các gói thầu "Gói thầu số 3; Gói thầu số 5" cụ thể như sau:

STT	Tên gói thầu	Nguồn vốn	Hình thức và phương thức LCNT	Thời gian bắt đầu tổ chức LCNT	Loại HĐ	Thời gian thực hiện HĐ
1	Gói thầu số 3: Thuê dịch vụ công nghệ thông tin triển khai hệ thống vé điện tử liên thông cho giao thông công cộng trên địa bàn thành phố Hà Nội	Ngân sách thành phố	Đấu thầu rộng rãi trong nước qua mạng, 01 giai đoạn, 02 túi hồ sơ	Quý III/2025	Trọn gói, đơn giá cố định và đơn giá điều chỉnh	67 Tháng

STT	Tên gói thầu	Nguồn vốn	Hình thức và phương thức LCNT	Thời gian bắt đầu tổ chức LCNT	Loại HĐ	Thời gian thực hiện HĐ
2	Gói thầu số 5: Tư vấn kiểm thử phần mềm thuê dịch vụ công nghệ thông tin triển khai hệ thống vé điện tử liên thông cho giao thông công cộng trên địa bàn thành phố Hà Nội.	Ngân sách thành phố	Đấu thầu rộng rãi trong nước qua mạng, 01 giai đoạn, 02 túi hồ sơ	Quý IV/2025	Trọn gói	120 Ngày

## **2. Các yêu cầu về tư vấn giám sát:**

2.1 Thực hiện các nội dung công việc theo quy định đối với công tác Tư vấn giám sát công tác triển khai theo thông tư 16/2024/TT-BTTTT ngày 30/12/2024.

2.2 Các dự án trong quá trình xây lắp, lắp đặt hệ thống hạ tầng kỹ thuật, thiết bị (bao gồm hiệu chỉnh vật tư, thiết bị), cài đặt phần mềm phải thực hiện chế độ giám sát công tác triển khai theo quy định tại Điều 32 Nghị định 73/2019/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 23 Điều 1 Nghị định 82/2024/NĐ-CP).

2.3. Các công việc chính của hoạt động giám sát công tác triển khai:

### *2.3.1. Kiểm tra các điều kiện để triển khai*

- a) Kiểm tra đảm bảo có mặt bằng triển khai, các yếu tố kỹ thuật có liên quan;
- b) Kiểm tra đảm bảo có hợp đồng triển khai đã được ký kết;
- c) Kiểm tra đảm bảo có hồ sơ thiết kế chi tiết đã được phê duyệt;
- d) Kiểm tra có tiến độ thực hiện chi tiết do nhà thầu triển khai lập;
- đ) Kiểm tra biện pháp an toàn vận hành, phòng, chống cháy, nổ (nếu có);
- e) Lập biên bản kiểm tra điều kiện để triển khai.

### *2.3.2. Kiểm tra sự phù hợp về năng lực của nhà thầu triển khai so với hợp đồng*

a) Kiểm tra về nhân lực triển khai của nhà thầu triển khai tại hiện trường nhằm đảm bảo đúng nhân lực nhà thầu triển khai cam kết trong hợp đồng và các công việc nhân lực đó đảm nhận theo đúng nhiệm vụ được phân công;

b) Kiểm tra về hệ thống quản lý chất lượng quy định tại khoản 2 Điều 4 thông tư 16/2024/T/BTTTT ngày 30/12/2024 (nếu có);

c) Kiểm tra việc ứng vốn của nhà thầu triển khai để thực hiện hợp đồng theo cam kết của nhà thầu (nếu có nêu trong hợp đồng);

d) Kiểm tra về các yêu cầu năng lực khác có nêu trong hợp đồng triển khai;

đ) Lập biên bản kiểm tra sự phù hợp về năng lực của nhà thầu triển khai so với hợp đồng.

### *2.3.3. Kiểm tra sự phù hợp của vật tư, thiết bị, phần cứng, phần mềm trước khi xây lắp, lắp đặt, cài đặt*

a) Kiểm tra về số lượng, hình thức vật lý bên ngoài của các vật tư, thiết bị, phần cứng; kiểm tra các căn cứ để chứng minh bản quyền (nếu có) của phần mềm thương mại (tính hợp pháp, số lượng); kiểm tra các căn cứ để chứng minh phần mềm phổ biến;

b) Kiểm tra giấy chứng nhận xuất xứ (CO), giấy chứng nhận chất lượng của nhà sản xuất (CQ) và các giấy tờ liên quan đến vật tư, thiết bị, phần cứng nêu trong hợp đồng triển khai trước khi đưa vào triển khai;

c) Kiểm tra các thông số kỹ thuật của các vật tư, thiết bị, phần cứng so với các thông tin ghi trong hợp đồng và hồ sơ thiết kế chi tiết trước khi đưa vào triển khai;

d) Khi có nghi ngờ đối với vật tư, thiết bị, phần cứng, phần mềm, đơn vị giám sát công tác triển khai phải kết hợp với chủ đầu tư thực hiện kiểm tra trực tiếp vật tư, thiết bị, phần cứng, phần mềm được xây lắp, lắp đặt, cài đặt trong dự án. Trường hợp các vật tư, thiết bị, phần cứng, phần mềm không phù hợp với thiết kế chi tiết được duyệt, đơn vị giám sát công tác triển khai phối hợp với chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu triển khai đưa ra khỏi khu vực triển khai;

đ) Lập biên bản kiểm tra vật tư, thiết bị, phần cứng, phần mềm trước khi xây lắp, lắp đặt, cài đặt.

### *2.3.4. Giám sát trong quá trình triển khai*

a) Kiểm tra và giám sát quá trình nhà thầu triển khai thực hiện các công việc tại địa điểm triển khai. Kết quả kiểm tra phải được ghi vào nhật ký giám sát công tác triển khai;

b) Kiểm tra việc bảo vệ vật tư, trang thiết bị, phần cứng, phần mềm được xây lắp, lắp đặt trong vùng, khu vực, địa điểm triển khai của dự án (nếu có). Trong trường hợp gây hư hại, hỏng hóc, ảnh hưởng tới vùng, khu vực, địa điểm triển khai, đơn vị giám sát công tác triển khai báo cáo chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu triển khai lập biên bản hiện trường.

c) Phối hợp với các bên liên quan giải quyết những vướng mắc, phát sinh trong quá trình triển khai (nếu có);

d) Đề nghị chủ đầu tư tổ chức điều chỉnh thiết kế chi tiết khi phát hiện sai sót, bất hợp lý về thiết kế chi tiết;

đ) Tham gia nghiệm thu, bàn giao sản phẩm hoặc hạng mục công việc của

dự án.

### 2.3.5. *Giám sát khối lượng triển khai*

a) Giám sát khối lượng triển khai theo hợp đồng triển khai và thiết kế chi tiết được phê duyệt;

b) Xác nhận khối lượng triển khai do nhà thầu triển khai đã hoàn thành và đối chiếu với thiết kế chi tiết được duyệt. Nếu có thay đổi khối lượng so với hợp đồng và thiết kế chi tiết, phải báo cáo chủ đầu tư để xem xét, thực hiện các thủ tục phê duyệt điều chỉnh. Kết quả phê duyệt phần khối lượng thay đổi là cơ sở để nghiệm thu khối lượng công việc, thanh toán, quyết toán.

### 2.3.6. *Giám sát tiến độ triển khai*

a) Theo dõi, giám sát tiến độ thực hiện;

b) Đề xuất với chủ đầu tư, nhà thầu triển khai và các bên liên quan điều chỉnh tiến độ thực hiện trong trường hợp tiến độ thực hiện ở một số giai đoạn bị kéo dài;

c) Đề xuất chủ đầu tư phạt vi phạm và yêu cầu nhà thầu triển khai bồi thường thiệt hại khi kéo dài tiến độ thực hiện gây thiệt hại cho chủ đầu tư theo thỏa thuận trong hợp đồng giữa chủ đầu tư và nhà thầu triển khai.

### 2.3.7. *Giám sát các thay đổi trong quá trình triển khai (nếu có)*

Trong quá trình triển khai, trường hợp phát hiện những yếu tố bất hợp lý hoặc xuất hiện yếu tố mới nếu không thay đổi thiết kế chi tiết sẽ ảnh hưởng đến chất lượng đầu tư của dự án, tiến độ triển khai, biện pháp triển khai và hiệu quả đầu tư của dự án, đơn vị giám sát công tác triển khai báo cáo chủ đầu tư, đồng thời đề nghị nhà thầu triển khai lập biên bản hiện trường

2.3.8. *Các nội dung giám sát công tác triển khai khác theo quy định tại hợp đồng giám sát công tác triển khai (nếu có)*

### 2.3.9. *Xây dựng Báo cáo kết quả giám sát công tác triển khai*

Đơn vị giám sát công tác triển khai có trách nhiệm lập Báo cáo kết quả giám sát công tác triển khai gửi chủ đầu tư theo định kỳ hoặc khi có yêu cầu của chủ đầu tư.

Dự kiến thời gian chuyên gia bắt đầu thực hiện DVTV: Ngay sau khi hợp đồng giữa hai bên có hiệu lực, Nhà thầu tư vấn có trách nhiệm lập đề cương TVGS (trong đó nêu rõ quy trình kiểm tra, giám sát, nghiệm thu) trình chủ đầu tư xem xét phê duyệt.

- Hợp giao ban định kỳ với các nhà thầu có liên quan. Cuộc họp phải được lập biên bản và gửi cho Chủ đầu tư trong đó phải nêu được các công việc đã thực hiện trong tuần của các nhà thầu, chất lượng công việc hoàn thành của từng nhà thầu. Kế hoạch thực hiện của các nhà thầu trong tuần kế tiếp (theo tiến độ do các nhà thầu cung cấp và phù hợp với tiến độ do Chủ đầu tư chấp thuận). Phân tích

nguyên nhân và đề xuất các giải pháp thực hiện nhằm đảm bảo tiến độ, chất lượng công trình xây dựng.

- Lập báo cáo về tiến độ, chất lượng của các nhà thầu thi công định kỳ hàng tuần và báo cáo bất thường khi có yêu cầu từ chủ đầu tư.

### **III. Báo cáo và thời gian thực hiện:**

#### **1. Các báo cáo phải nộp:**

Nhà thầu phải nộp cho Chủ đầu tư các sản phẩm sau:

- Đề cương tư vấn giám sát: 03 bộ;
- Báo cáo tư vấn giám sát theo tiến độ và theo yêu cầu của chủ đầu tư: 03 bộ;
- Nhật ký giám sát công tác triển khai.

#### **2. Thời gian thực hiện: 67 tháng.**

### **IV. Kinh nghiệm và nhân sự của nhà thầu:**

Nhà thầu phải bố trí đúng các nhân sự theo yêu cầu tại Mục 2, chương III của E-HSMT.

Nhân sự đảm nhiệm vị trí tư vấn giám sát phải có sức khỏe, trình độ chuyên môn và chứng chỉ hành nghề phù hợp theo quy định của pháp luật hiện hành

### **V. Trách nhiệm của chủ đầu tư:**

- Cung cấp cho nhà thầu tư vấn giám sát các thông tin, tài liệu (phục vụ công tác giám sát chất lượng, tiến độ) liên quan đến dự án mà Chủ đầu tư có được trong khoảng thời gian sớm nhất theo đề nghị của nhà thầu tư vấn giám sát;

Hợp tác với nhà thầu tư vấn giám sát và tạo điều kiện đến mức tối đa cho nhà thầu tư vấn giám sát trong quá trình thực hiện hợp đồng.

Thanh toán cho nhà thầu tư vấn giám sát toàn bộ giá hợp đồng theo đúng các quy định được thỏa thuận trong hợp đồng này.

CĐT sẽ trả lời bằng văn bản các đề nghị hay yêu cầu của nhà thầu tư vấn giám sát trong vòng 03 ngày làm việc.

CĐT có trách nhiệm cử những cá nhân có đủ năng lực và chuyên môn phù hợp với từng công việc để làm việc với nhà thầu tư vấn giám sát.

Cùng bàn bạc và đi tới thống nhất trước khi quyết định các vấn đề quan trọng liên quan đến phạm vi công việc của nhà thầu tư vấn giám sát;

Cấp biên bản xác nhận việc hoàn thành các nghĩa vụ theo hợp đồng này cho nhà thầu tư vấn giám sát. Tuy nhiên tất cả việc phê duyệt hay cấp bất kỳ văn bản nào của Chủ đầu tư không làm giảm trách nhiệm của nhà thầu tư vấn giám sát trong quá trình thực hiện hợp đồng này.